TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án 24/HNGĐ-PT
Ngày 13 - 11 - 2018
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đoàn Ngọc Thiện
Các thẩm phán: Ông Trịnh Hoàng Anh
Ông Trương Văn Tâm

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Hồng Hạnh, Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Vũ Trí Thức, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý 26/2018/TBTL-TA ngày 24/9/2018 về "Ly hôn".

Do Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm 93/2018/HNGĐ-ST ngày 17/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 25/2018/QĐPT-HNGĐ ngày 03/10/2018; Quyết định hoãn phiên tòa 13/2018/QĐPT ngày 23/10/2018; Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng 13/2018/QĐPT ngày 13/11/2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1982;

Hộ khẩu thường trú: Xóm Đ, thôn M, thị trấn A, huyện A, tỉnh H.

Địa chỉ liên hệ: đường T, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (có mặt).

- *Bị đơn*: Bà Hán Thị H, sinh năm 1982

Hộ khẩu thường trú: đường Y, Phường 4, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;

Địa chỉ liên hệ: đường M, Phường 4, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn K trình bày:

Ông và bà Hán Thị H tự nguyện tìm hiểu nhau và có tổ chức đám cưới vào tháng 10/2006 và chung sống như vợ chồng từ đó cho đến nay. Do thời điểm đó hai người không có hộ khẩu tại thành phố Vũng Tàu và vì đường xá xa xôi nên Ông Bà không thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống thì thời gian đầu hai người sống hạnh phúc. Đến giữa năm 2016 thì vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chính là do từ khi sinh con thứ hai bà H thay đổi tính tình không còn quan tâm đến chuyện sinh hoạt vợ chồng nên dẫn đến vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không có sự quan tâm chia sẻ với nhau trong các công việc của gia đình.

Đến ngày 25-11-2017 bà H lấy tiền trong nhà và tự ý đưa hai con bỏ ra ngoài sống và vợ chồng sống ly thân với nhau từ đó đến nay. Trong thời gian sống ly thân Ông và gia đình đã nhiều lần khuyên bảo bà H quay về nhà để vợ chồng đoàn tụ nhưng bà H không chịu quay về. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu được ly hôn bà H.

+ Về con chung: Ông, Bà có 02 (hai) con chung là Nguyễn Gia B, sinh ngày 07-4-2013 và Nguyễn Đức T, sinh ngày 17-4-2016. Từ khi vợ chồng ly thân đến nay bà H luôn ngăn cản thậm chí còn có lời nói xúc phạm, đe dọa khi ông đến thăm nom, chăm sóc các con. Hiện nay, bà H không có chỗ ở ổn định đang phải thuê nhà, công việc không ổn định, thu nhập thấp nên bà H nuôi cả hai con thì không đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dưỡng các con tốt được. Trong khi đó, hiện nay Ông có chỗ ở ổn định, công việc thu nhập cao và có cha mẹ phụ giúp trong việc chăm sóc con. Vì vậy, có nguyện vọng được nuôi cả 02 con. Tuy nhiên, do hiện nay cháu Trung dưới 36 tháng tuổi thì theo quy định của pháp luật con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi nên Ông nhường quyền nuôi cháu Trung cho bà H còn ông nuôi cháu Bảo.

+ Về cấp dưỡng nuôi con, Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết..

- Bị đơn bà Hán Thị H trình bày:

Bà xác định về cuộc sống chung của vợ chồng đúng như ông K đã trình bày. Trong quá trình chung sống thì thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Đến khi bà sinh cháu Nguyễn Gia B thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do sau khi sinh con thì ông K tự mở công ty và nhận được nhiều mối làm ăn nên thường xuyên đi biển, thời gian từ ba tuần trở lên. Trong khoảng thời gian ông K vắng nhà thì bà phải thay ông K gánh vác các công việc trong công ty và cả công việc trong gia đình, chăm sóc con cái. Mặc dù thấy bà vất vả nhưng ông K không những không động viên, chia sẻ mà còn có lời nói xúc phạm, coi thường bà. Ông K còn có quan hệ với người phụ nữ khác ở bên ngoài. Vì vậy, ngày 25-11-2017

bà đưa hai con bỏ ra ngoài sống và vợ chồng sống ly thân với nhau từ đó đến nay. Nay, ông K yêu cầu ly hôn thì bà cũng đồng ý.

+ Về con chung: Bà xác định Ông Bà có 02 (hai) con chung là Nguyễn Gia B, sinh ngày 07-4-2013 và Nguyễn Đức T, sinh ngày 17-4-2016. Từ khi bà sinh hai con đến nay thì một mình bà là người trực tiếp chăm sóc các con từ miếng ăn, giấc ngủ và cả khi các cháu ốm đau trong khi ông K không phụ giúp bà bất cứ việc gì trong việc chăm sóc các con. Hiện nay, bà có công việc ổn định, thu nhập cao, chỗ ở tương đối ổn định. Ngoài ra bà có nhiều thời gian để chăm sóc các con hơn so với ông K vì mặc dù ông K có chỗ ở ổn định, thu nhập cao nhưng công việc rất bận rộn ngoài ra ông K thường xuyên đi công tác ngoài biển, 01 năm đi biển khoảng 10 lần, mỗi lần đi từ 02 đến 03 tuần nên ông K không có thời gian để chăm sóc các con. Vì vậy, Bà có nguyện vọng nuôi dưỡng hai con và không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bản án Hôn nhân sơ thẩm 93/2018/HNGĐ-ST ngày 17/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu đã Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn K đối với bà Hán Thị H.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn K và bà Hán Thị H.

2. Về con chung: Ông K và bà H có 02 (hai) con chung là Nguyễn Gia B, sinh ngày 07-4-2013 và Nguyễn Đức T, sinh ngày 17-4-2016. Ông K được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Gia B; bà H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Đức T. Ông K và bà H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Ông K và bà H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3.Về tài sản chung và nợ chung: Không ai yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, quyền và nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 24/8/2018, bị đơn có đơn kháng cáo Bản án sơ thẩm:

Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại theo hướng sửa án sơ thẩm và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về quyền nuôi con. Bị đơn được quyền nuôi 02 con chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện; Bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về vụ án:*

+ Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự đã thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung:

Về hôn nhân: Cấp sơ thẩm đã giải quyết không công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông K và bà H. Về nội dung này các đương sự đồng ý và không có kháng cáo, bản án không bị kháng nghị, đã có hiệu lực, nên cấp phúc thẩm không xem xét.

Về con chung: Xét thấy, tuy mức thu nhập của ông K và bà H là ngang nhau, nhưng ông K có công việc làm thường xuyên phải đi biển, nên việc chăm sóc,nuôi dưỡng con là không đảm bảo. Hiện nay 02 cháu đang sống chung với nhau do bà H nuôi dưỡng.

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa Bản án sơ thẩm 93/2018/HNST ngày 17/8/2018 của TAND thành phố Vũng Tàu về phần tranh chấp quyền nuôi con. Giao cho bà H được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con Nguyễn Gia B, sinh ngày 07-4-2013 và Nguyễn Đức T, sinh ngày 17-4-2016.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà H không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của bị đơn được lập đúng thủ tục và còn trong thời hạn quy định, nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Ông Nguyễn Văn K yêu cầu ly hôn với bà Hán Thị H. Các đương sự có địa chỉ cư trú tại thành phố Vũng Tàu. Căn cứ Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định đây là vụ án "Ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

[2] Về nội dung vụ án và yêu cầu kháng cáo:

[2.1] Về hôn nhân: Các bên đều đồng ý với quyết định của án sơ thẩm nên không có kháng cáo, bản án không bị kháng nghị, nên cấp phúc thẩm không xem xét lại đối với nội dung này.

[2.2] Về con chung: Ông Nguyễn Văn K và bà Hán Thị H có 02 con chung là Nguyễn Gia B, sinh ngày 07-4-2013 và Nguyễn Đức T, sinh ngày 17-4-2016. Bà H có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả 02 con, không yêu cầu ông K cấp

dưỡng nuôi con. Ông K có nguyện vọng nuôi cháu Gia Bảo và nhường quyền nuôi cháu Đức Trung cho bà H.

Xét về điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của ông K và bà H, nhận thấy: Hiện nay, mức thu nhập bình quân của ông K khoảng 20.000.000đồng/tháng còn của bà H cũng khoảng 20.000.000đ/tháng. Về chỗ ở thì ông K hiện đang sinh sống tại nhà riêng Trần Xuân Độ, phường Thắng nhì, TP.Vũng Tàu; bà H và các con hiện đang thuê nhà ở tại Mạc Đĩnh Chi, Phường 4, Tp. Vũng Tàu. Xét về điều kiện kinh tế thì ông K và bà H đều có mức thu nhập ngang nhau. Còn xét về điều kiện chỗ ở thì cả bà H và ông K đền có chỗ ở ổn định. Tuy nhiên, để một đứa trẻ phát triển toàn diện về mọi mặt thì điều kiện kinh tế và chỗ ở là chưa đủ mà cần rất nhiều tình yêu, sự quan tâm, chăm sóc của cả bố lẫn mẹ. Hội đồng xét xử xét thấy cấp sơ thẩm đã quyết định giao cháu Gia Bảo cho ông K và giao cháu Đức Trung cho bà H chăm sóc nuôi dưỡng là hợp tình, hợp lý và đúng quy định của pháp luật.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Do ông K và bà H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông K và bà H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Cấp sơ thẩm đã tính đúng nên không xem xét lại.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà H phải chịu toàn bộ 300.000đồng.

Từ những phân tích, nhận định nêu trên, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị đơn, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực nên cấp phúc thẩm không xem xét lại.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm 93/2018/HNST ngày 17/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu về phần tranh chấp quyền nuôi con.

- Căn cứ Điều 14; Điều 15; Điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn K đối với bà Hán Thị H.

1. Về con chung: Có 02 (hai) con chung là Nguyễn Gia B, sinh ngày 07-4-2013 và Nguyễn Đức T, sinh ngày 17-4-2016. Ông Nguyễn Văn K được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Gia B; bà Hán Thị H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Đức T.

2.Về cấp dưỡng nuôi con: Ông K và bà H không yêu cầu giải quyết.

Ông K và bà H có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Cấp sơ thẩm đã giải quyết đúng quy định nên không xem xét lại.

5. Về án phí phúc thẩm: Bà H phải chịu 300.000đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền 0004334 ngày 27-8-2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Vũng Tàu. Bà H đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (Ngày 13/11/2018).

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh BR-VT;
- TAND Tp.Vũng Tàu;
- VKSND TP. Vũng Tàu;
- CCTHA DS Tp.Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đã đóng dấu)

ĐOÀN NGỌC THIỆN